

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tâm

2. Bà Triệu Thị Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Sao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Th; nơi cư trú: Thôn CCh, xã TrL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Trần Công S; nơi cư trú: Thôn LĐ, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Đào Thị Th trình bày:

Chị và anh Trần Công S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo từ ngày 11 tháng 12 năm 1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 20 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, cùng với việc anh S thường xuyên rượu chè, say xỉn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Công S.

Về con chung: Chị và anh S có 03 con chung là Trần Công S1, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1987; Trần Thị Ch, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1990 và Trần Thị Huyền M, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1992. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Công S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 01 năm 2019, anh S trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, việc đăng ký kết hôn và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị Th trình bày ở trên. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân được 05 năm, không quan tâm đến nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung là Trần Công S1, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1987; Trần Thị Ch, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1990 và Trần Thị Huyền M, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1992. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Th có tài sản chung là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; có nợ chung Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Vĩnh Bảo số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Nay, anh yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị

đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Đào Thị Th được ly hôn với anh Trần Công S. Về con chung: Chị Th và anh S có 03 con chung là Trần Công S1, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1987; Trần Thị Ch, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1990 và Trần Thị Huyền M, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1992, đều đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu còn anh S đề nghị chia tài sản chung và nợ chung nhưng không viết đơn khởi kiện, không nộp tài liệu chứng minh nên không đủ căn cứ thụ lý giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Vụ án có bị đơn là anh Trần Công S có nơi cư trú tại xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Trần Công S đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa, đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ và tại phiên tòa lần thứ 2 anh S vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trần Công S.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Th và anh Trần Công S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Long từ ngày 11 tháng 12 năm 1987. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị Th xin ly hôn, anh S đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Th xin ly hôn với anh Trần Công S.

- Về con chung: Chị Th và anh S có 03 con chung là Trần Công S1, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1987; Trần Thị Ch, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1990 và Trần Thị Huyền M, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1992; các con chung của chị Th và anh S đều đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Th xin tự giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh S khai anh và chị Th có tài sản chung là 100.000.000 đồng và có nợ chung là 70.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Mặc dù Tòa án đã ra Thông báo về việc yêu cầu viết đơn khởi kiện và yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ cho anh S để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nhưng anh S không nộp, anh cũng không lên tòa án để giải quyết các yêu cầu của mình. Do đó, không có căn cứ để xem xét yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn của anh S. Trường hợp, anh S tiếp tục có yêu cầu thì anh có quyền làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Th được ly hôn với anh Trần Công S.

2. Về con chung: Các con chung của chị Th và anh S đều đã trưởng thành nên không xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0001247 ngày 06 tháng 12 năm 2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh